

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-PT

Ngày 12 - 6 - 2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Việt.

Ông Nguyễn Đức Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLPT - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thanh T**, sinh năm 2000;

Nơi ĐKKHKT: Thôn C 2, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 86, tổ 4, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt không có lý do.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Phi T1**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn C 2, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Phi T1, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn C 2, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm, tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thanh T trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Phi T1 qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 06/12/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở chung với bố mẹ anh T1 đến khoảng tháng 11/2021 thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, mâu thuẫn trở nên trầm trọng nhất vào thời gian hai vợ chồng

ra ở riêng khoảng tháng 11/2021. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống và kinh tế, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tuy đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt cấp sơ thẩm, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T1 đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Phi T1 có 02 con chung là cháu: Nguyễn Kiều A, sinh ngày 20/9/2018 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang K vì cháu dưới 36 tháng tuổi, còn anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kiều A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Nguyễn Phi T1 cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Phi T1 trình bày:*

Anh và chị Bùi Thanh T qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 06/12/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ở chung với bố mẹ anh một thời gian, đến khoảng tháng 11/2021 thì ra ở riêng. Quá trình chung sống thời gian đầu không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, sau đó giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, tuy nhiên đến thời điểm khoảng tháng 7/2022 anh thấy chị T có nhiều biểu hiện lạ, sau đó anh phát hiện chị T có nhắn tin qua lại và quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, có người khác đưa đón đi chơi, tuy anh không bắt được quả tang, nhưng có nghe nhiều người khác nói lại, từ đó anh xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Nay anh xác định giữa anh và chị T không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với nhau được nữa, tuy nhiên thời điểm hiện nay anh chưa nhất trí ly hôn với chị T vì các con còn rất nhỏ, nếu ly hôn các con sẽ chịu thiệt thòi, vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thanh T có 02 con chung là cháu: Nguyễn Kiều A, sinh ngày 20/9/2018 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020, nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung

là cháu Nguyễn Quang K và cháu Nguyễn Kiều A, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Bùi Thanh T không có tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án sơ thẩm số 26/2023/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 2 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị Bùi Thanh T với anh Nguyễn Phi T1.

1. Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Phi T1. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 20/9/2018 cho anh Nguyễn Phi T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020 cho chị Bùi Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Bùi Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004291, ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Phi T1 không phải chịu án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/3/2023, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Phi T1 với nội dung: Anh Nguyễn Phi T1 kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 26/2023/HNGĐ - ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y,

tỉnh Tuyên Quang về nội dung nuôi con chung anh không nhất trí. Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm và xử cho anh nuôi cả hai cháu là cháu Nguyễn Kiều A, sinh năm 20/9/2018 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020. Anh không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Phi T1 trình bày: Anh giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh giao cả 02 con chung cho anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị T không đủ điều kiện nuôi con vì không có chỗ ở, công việc không ổn định hiện chị T đang làm ăn ở Hà Nội, nhà ở phường M, thành phố T là nhà của bà N là mẹ ông Đ là chồng thứ ba của bà Bùi Thị Hải V mẹ của chị Tuyền, từ khi ly thân chị T về thăm con được hai lần, không có trách nhiệm gì với con; về phía anh đủ điều kiện nuôi con, có nhà ở chung với bố mẹ, có công việc ổn định hiện nay đang kinh doanh cửa hàng nhôm kính tại xã H thu nhập từ trên 10.000.000 đồng trở lên, các cháu anh nuôi từ nhỏ điều kiện ăn học tốt, đảm bảo môi trường sống tốt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn người kháng cáo anh Nguyễn Phi T1 thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn chị Bùi Thanh T không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án. Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Phi T1, sửa phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 26/2023/HNGĐ-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về phần nuôi con chung như sau:

Tuyên xử: Giao cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 20/9/2018 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020 cho anh Nguyễn Phi T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Nguyễn Phi T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho anh Nguyễn Phi T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bản án sơ thẩm giải quyết tranh chấp ly hôn và nuôi con chung giữa chị Bùi Thanh T và anh Nguyễn Phi T1 được tuyên án vào ngày 06/02/2023, anh T1 không có mặt tại phiên tòa, ngày 04/3/2023 anh Nguyễn Phi T1 nhận được bản án sơ thẩm và đến ngày 09/3/2023 anh Nguyễn Phi T1 kháng cáo không nhất trí nội dung án sơ thẩm về phần nuôi con chung. Xét thấy, đơn kháng cáo của anh Nguyễn Phi T1 trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm và anh T1 nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được công nhận là hợp lệ, làm căn cứ để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm; nguyên đơn chị Bùi Thanh T không thực hiện theo giấy triệu tập của Tòa án, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo yêu cầu nuôi con chung:

Toà án sơ thẩm đã nhận đầy đủ các tài liệu do các bên đương sự cung cấp theo quy định; đã tiến hành xác minh điều kiện thu nhập, hoàn cảnh và điều kiện sống của anh Nguyễn Phi T1 và chị Bùi Thanh T; các đương sự đều nhất trí kết quả thu thập, giao nộp tài liệu, không yêu cầu xác minh, thu thập thêm căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: Giao cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 20/9/2018 cho anh Nguyễn Phi T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020 cho chị Bùi Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Anh Nguyễn Phi T1 kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Kiều A sinh năm 20/9/2018 và cháu Nguyễn Quang K sinh năm 15/7/2020, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các tài liệu cấp sơ thẩm đã thu thập, xác minh đều thể hiện điều kiện, hoàn cảnh của anh Nguyễn Phi T1 và chị Bùi Thanh T đầy đủ, mức thu nhập của các bên đều đủ điều kiện nuôi con, cả hai đều đang sống cùng bố mẹ đẻ và có bố mẹ hỗ trợ việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con. Theo nội dung xác minh tại cấp phúc thẩm hiện tại chị Bùi Thanh T đang học nâng cao tay nghề ở thành phố Hà Nội, nhà ở số 86, tổ 4, phường M, thành phố T là nhà của bà N là mẹ ông Đ là chồng của bà Bùi Thị Hải V mẹ của chị Tuyền. Anh Nguyễn Phi T1 đủ điều kiện nuôi con, có nhà ở chung với bố mẹ, có công việc ổn định hiện nay đang kinh doanh cửa hàng nhôm kính tại xã H thu nhập từ 10.000.000 đồng trở lên, các cháu được anh T1 nuôi từ nhỏ điều kiện ăn học tốt, đảm bảo môi trường sống tốt.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Trong vụ án này chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng anh T1, chị T sống ly thân, anh T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 20/9/2018 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020, hiện nay hai cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và được anh T1 nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất, nếu giao cháu Nguyễn Quang K cho chị T nuôi dưỡng sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý, sự phát triển bình thường của cháu Khải (Phù hợp với Án lệ số 54/2022/AL, ngày 14/10/2022 của Tòa án nhân dân tối cao).

Ngoài ra anh T1 còn cung cấp Đơn xin từ bỏ quyền nuôi con đề ngày 10/8/2022 của chị Bùi Thanh T với nội dung đề nghị Tòa thực hiện theo đúng thỏa thuận của vợ chồng tôi để cháu Nguyễn Kiều A và cháu Nguyễn Quang K được chăm sóc, dạy bảo trong môi trường tốt hơn, lớn lên và phát triển lành mạnh trong tình yêu thương, đùm bọc của bố.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Phi T1, sửa bản án sơ thẩm: Giao cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 20/9/2018 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020 cho anh Nguyễn Phi T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp pháp luật.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Phi T1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho anh Nguyễn Phi T1.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Phi T1, sửa phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 26/2023/HNGĐ-ST ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang về phần nuôi con chung như sau:

Tuyên xử: Giao cháu Nguyễn Kiều A, sinh ngày 20/9/2018 và cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 15/7/2020 cho anh Nguyễn Phi T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Phi T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho anh Nguyễn Phi T1 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số 0004442 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 12 tháng 6 năm 2023)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND huyện Y;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã H, h. Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Chương